ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ DỊCH BỆNH COVID-19 CẤP XÃ VÀ CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN DIÊN KHÁNH

(Theo QĐ số 4800/QĐ-BYT của Bộ Y tế)

Đơn vị hành chính	TT	Tên xã/phường	Dân số	Ca mắc cộng đồng đến 9/11	Ca cộng đồng mới 10/11	Cộng dồn	Cấp độ dịch 10/11	Chỉ số
HUYỆN DIÊN KHÁNH	1	TT Diên Khánh	21.663	92	14	106	CẤP 3	24,47
	2	Diên An	10.600	25	6	31	CẤP 3	14,62
	3	Diên Toàn	7.269	15	8	23	CẤP 4	15,82
	4	Diên Thạnh	6.320	16	2	18	CẤP 3	14,24
	5	Diên Lạc	7.447	6	1	7	CẤP 2	4,70
	6	Diên Phú	10.761	12	2	14	CẤP 2	6,50
	7	Diên Điền	11.748	16	4	20	CẤP 2	8,51
	8	Diên Sơn	11.738	12	2	14	CẤP 2	5,96
	9	Diên Lâm	5.234	7	3	10	CẤP 3	9,55
	10	Diên Phước	6.948	3	-	3	CẤP 2	2,16
	11	Bình Lộc	7.440	-	4	4	CẤP 2	2,69

	12	Diên Thọ	5.264	2	-	2	CẤP 1	1,90
	13	Diên Hòa	7.841	4	-	4	CẤP 2	2,55
	14	Diên Đồng	3.630	1	-	1	CẤP 1	1,38
	15	Diên Tân	2.204	-	-	-	CẤP 1	0,00
	16	Diên Xuân	5.314	-	-	-	CẤP 1	0,00
	17	Suối Hiệp	9.749	8	4	12	CẤP 3	6,15
	18	Suối Tiên	5.098	-	-	-	CẤP 1	0,00
		Toàn huyện	**143.268**	**219**	**50**	**269**	**CẤP 3**	**93,88**

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGUY CƠ DỊCH BỆNH COVID-19 THÔN, TỔ DÂN PHỐ HUYỆN DIÊN KHÁNH

(Theo Hướng dẫn số 8357/BCĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021
của Ban chỉ đạo phòng chống dịch ở người tỉnh Khánh Hòa)

TT		TÊN XÃ	DÂN SỐ		Ca F0 hiện còn đến ngày 09/11/2021	F0 mới 10/11/2021		Hiện còn	Đánh giá lại ngày 10/11/2021	Ghi chú
			Số hộ	Số khẩu		Cộng đồng	Khu cách ly			
		Tổng cộng	**5.236**	**21.663**	**105**	**14**	**0**	**119**		
1	**THỊ TRẤN**	Tổ Dân phố Đông Môn 1	340	1.388	8	1		9	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Đông Môn 2	227	918	6	1		7	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Đông Môn 3	191	762	1	3		4	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Đông Môn 4	326	1.425	11	1		12	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Dinh Thành 1	301	1.140	19	1		20	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Dinh Thành 2	435	1.647	7	2		9	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phan Bội Châu 1	460	1.877	10			10	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phan Bội Châu 2	444	1.789	21			21	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Đông 1	366	1.490	2			2	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Đông 2	326	1.572	3	1		4	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Đông 3	405	1.640	3			3	Nguy cơ rất cao	

		Tổ Dân phố Phú Lộc Tây 1	400	1.758	1	1		2	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Tây 2	259	1.092	1			1	Nguy cơ cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Tây 3	338	1.439	4	2		6	Nguy cơ rất cao	
		Tổ Dân phố Phú Lộc Tây 4	418	1.726	8	1		9	Nguy cơ rất cao	
2	**DIÊN AN**	**Tổng cộng**	**3.172**	**10.600**	**26**	**6**	**0**	**32**		
		Thôn Phú Ân Nam 1	360	1.100	7			7	Nguy cơ rất cao	
		Thôn Phú Ân Nam 2	515	1.900	3	3		6	Nguy cơ rất cao	
		Thôn Phú Ân Nam 3	600	1.920	1	2		3	Nguy cơ rất cao	
		Thôn Phú Ân Nam 4	690	2.100	11	1		12	Nguy cơ rất cao	
		Thôn Phú Ân Nam 5	287	980	0			0	Nguy cơ cao	
		Thôn Võ Kiện	370	1.200	3			3	Nguy cơ rất cao	
		Thôn An Ninh	350	1.400	1			1	Nguy cơ cao	
3	**DIÊN TOÀN**	**Tổng cộng**	**1.699**	**7.269**	**15**	**8**	**0**	**23**		
		TỔ 1: Thôn Đông Dinh	546	2.434	9	2		11	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Phước Trạch	517	2.302	1	1		2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 3: Thôn Trung Nam	636	2.533	5	5		10	Nguy cơ rất cao	
4	**DIÊN THẠNH**	**Tổng cộng**	**1.502**	**6.320**	**18**	**2**	**0**	**20**		
		TỔ 1: Thôn Phú Khánh Hạ	216	876	2			2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Trường Thạnh	322	1.375	2			2	Nguy cơ rất cao	

		TỔ 3: Thôn Phú Khánh Trung	418	1.756	10			10	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 3 : Phú Khánh Thượng	546	2.313	4	2		6	Nguy cơ rất cao	
5	**DIÊN LẠC**	**Tổng cộng**	**2.424**	**7.447**	**7**	**1**	**0**	**8**		
		TỔ 1: Thôn Thanh Minh 1	562	2.192	0			0	Nguy cơ	
		TỔ 2: Thôn Thanh Minh 2	540	1.475	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 3: Thôn Thanh Minh 3	572	1.660	0			0	Nguy cơ	
		TỔ 4: Thôn Trường Lạc	750	2.120	6	1		7	Nguy cơ rất cao	
6	**DIÊN PHÚ**	**Tổng cộng**	**2.422**	**10.761**	**16**	**2**	**0**	**18**		
		Thôn 1	523	2.308	1			1	Nguy cơ	
		Thôn 2	520	2.356	8	1		9	Nguy cơ rất cao	
		Thôn 3	600	2.723	2			2	Nguy cơ rất cao	
		Thôn 4	779	3.374	5	1		6	Nguy cơ rất cao	
7	**DIÊN ĐIỀN**	**Tổng cộng**	**2.712**	**11.748**	**21**	**4**	**0**	**25**		
		TỔ 1: Thôn Trung 1	623	2.564	2	4		6	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Trung 2	289	1.373	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 3: Thôn Trung 3	351	1.644	2			2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 4: Thôn Đông 1	619	2.641	4			4	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 5: Thôn Đông 2	437	1.826	3			3	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 6: Thôn Đông 3	393	1.700	9			9	Nguy cơ rất cao	

8	**DIÊN SƠN**	**Tổng cộng**	**3.095**	**11.738**	**12**	**2**	**0**	**14**		
		TỔ 1:Thôn Nam 1	315	1.244	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 2: Thôn Nam 2	340	1.276	0			0	Nguy cơ	
		TỔ 3: Thôn Nam 3	441	1.716	2			2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 4: Thôn Tây 1	410	1.470	1			1	Nguy cơ	
		TỔ 5: Thôn Tây 2	519	1.953	0			0	Nguy cơ	
		TỔ 6: Thôn Tây 3	601	2.391	4	2		6	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 7: Thôn Tây 4	469	1.688	5			5	Nguy cơ rất cao	
9	**DIÊN LÂM**	**Tổng cộng**	**1.318**	**5.234**	**8**	**3**	**0**	**11**		
		TỔ 1: Thôn Hạ	289	1.213	7	1		8	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Trung	380	1.434	1	2		3	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 3: Thôn Thượng	224	817	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 4: Thôn Khánh Xuân	425	1.770	0			0	Bình thường mới	
10	**DIÊN PHƯỚC**	**Tổng cộng**	**1.751**	**6.948**	**4**	**0**	**0**	**4**		
		TỔ 1: Thôn Phước Tuy 1	453	1.743	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 2: Thôn Phước Tuy 2	432	1.654	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 3: Thôn Phò Thiện	552	2.253	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 4: Thôn An Định	314	1.298	1			1	Nguy cơ cao	
11		**Tổng cộng**	**1.820**	**7.440**	**0**	**4**	**0**	**4**		

	BÌNH LỘC	TỔ 1: Thôn Hội Phước	458	1.957	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 2: Thôn Lương Phước	222	960	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 3: Thôn Nghiệp Thành	276	1.147	0	3		3	Bình thường mới	
		TỔ 4: Thôn Đại Hữu	177	636	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 5: Đảnh Thạnh	305	1.163	0	1		1	Bình thường mới	
		Tổ 6: Thôn Mỹ Lộc	382	1.577	0			0	Bình thường mới	
12	**DIÊN THỌ**	**Tổng cộng**	**1.286**	**5.264**	**4**	**0**	**0**	**4**		
		TỔ 1: Thôn Đồng Bé	244	950	2			2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Phước Lương	368	1.648	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 3: Thôn Lễ Thạnh	297	1.170	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 4: Thôn Cẩm Sơn	377	1.496	1			1	Bình thường mới	
13	**DIÊN HÒA**	**Tổng cộng**	**1.393**	**4.841**	**3**	**0**	**0**	**3**		
		TỔ 1: Thôn Quang Thạnh	562	1.926	0			0	Nguy cơ cao	
		TỔ 2: Thôn Bình Khánh	586	2.023	3			3	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 3: Thôn Lạc Lợi	245	892	0			0	Nguy cơ cao	
14	**DIÊN ĐỒNG**	**Tổng cộng**	**1.097**	**3.630**	**6**	**0**	**0**	**6**		
		TỔ 1: Thôn 1	135	536	0			0	Nguy cơ	
		TỔ 2: Thôn 2	355	1.215	6			6	Nguy cơ cao	
		TỔ 3: Đồng Trăn 3	267	659	0			0	Nguy cơ	

		TỔ 4: Thôn 5	340	1.220	0			0	Bình thường mới	
15	**DIÊN TÂN**	**Tổng cộng**	**875**	**2.204**	**0**	**0**	**0**	**0**		
		TỔ 1: Thôn Cây Sung	323	780	0			0	Bình thường mới	
		Tổ 2: Thôn láng Nhớt	309	816	0			0	Bình thường mới	
		Tổ 3: Thôn Đá Mài	243	608	0			0	Bình thường mới	
16	**DIÊN XUÂN**	**Tổng cộng**	**1.638**	**5.314**	**1**	**0**	**0**	**1**		
		TỔ 1: Thôn Xuân Đông	616	1.908	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 2: Thôn Xuân Trung	304	940	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 3: Thôn Xuân Nam	461	1.491	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 4: Thôn Xuân Tây	257	975	1			1	Bình thường mới	
17	**SUỐI HIỆP**	**Tổng cộng**	**2.260**	**9.749**	**9**	**4**	**0**	**13**		
		TỔ 1: Thôn Phú Hậu	219	912	3			3	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 2: Thôn Thủy Xương	515	2.122	2			2	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 3: Thôn Cư Thạnh	636	2.755	1			1	Nguy cơ cao	
		TỔ 4: Thôn Vĩnh Cát	374	1.725	3	4		7	Nguy cơ rất cao	
		TỔ 5: Thôn Hội Xương	516	2.235	0			0	Nguy cơ cao	
18	**SUỐI TIÊN**	**Tổng cộng**	**1.173**	**5.098**	**0**	**0**	**0**	**0**		
		TỔ 1: Thôn Tân Khánh	265	1.076	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 2: Thôn Xuân Phú 1	230	1.060	0			0	Bình thường mới	

		TỔ 2: Thôn Xuân Phú 2	243	1.039	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 4: Thôn Kinh tế mới	198	863	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 5: Thôn Gò mè	154	698	0			0	Bình thường mới	
		TỔ 6: Thôn Lỗ Gia	83	362	0			0	Bình thường mới	
		Tổng cộng	**36.873**	**143.268**	**255**	**50**	**0**	**305**		